

**UBND TỈNH ĐỒNG NAI**
**Biểu số 40/CK-NSNN**
**DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022**
*(Đính kèm công văn số /STC-QLNS ngày /12/2021 của Sở Tài chính Đồng Nai)*
*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                | TỔNG SỐ          | TRONG ĐÓ:                                   |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             |                                    |                                                                                       |                          |
|-----|---------------------------|------------------|---------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|     |                           |                  | CHI GIÁO<br>DỤC - ĐÀO<br>TẠO VÀ<br>DẠY NGHỀ | CHI KHOA<br>HỌC VÀ<br>CÔNG<br>NGHỆ | CHI Y<br>TẾ, DÂN<br>SỐ VÀ<br>GIA ĐÌNH | CHI VĂN<br>HÓA<br>THÔNG<br>TIN | CHI PHÁT<br>THANH,<br>TRUYỀN<br>HÌNH,<br>THÔNG<br>TẤN | CHI THỂ<br>DỤC THỂ<br>THAO | CHI BẢO<br>VỆ MÔI<br>TRƯỜNG | CHI CÁC<br>HOẠT<br>ĐỘNG<br>KINH TẾ | CHI HOẠT<br>ĐỘNG<br>CỦA CƠ<br>QUAN<br>QUẢN LÝ<br>NHÀ<br>NƯỚC,<br>ĐẢNG,<br>ĐOÀN<br>THỂ | CHI BẢO<br>ĐẢM XÃ<br>HỘI |
|     | <b>TỔNG SỐ</b>            | <b>4.844.621</b> | <b>1.296.539</b>                            | <b>117.138</b>                     | <b>950.141</b>                        | <b>98.968</b>                  | <b>9.746</b>                                          | <b>165.198</b>             | <b>104.423</b>              | <b>772.499</b>                     | <b>769.709</b>                                                                        | <b>324.259</b>           |
| 1   | Tỉnh ủy                   | 110.000          |                                             |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             |                                    | 110.000                                                                               |                          |
| 2   | Văn phòng HĐND tỉnh       | 17.544           |                                             |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             |                                    | 17.544                                                                                |                          |
| 3   | Văn phòng UBND tỉnh       | 53.375           |                                             |                                    |                                       | 12.265                         |                                                       |                            |                             |                                    | 41.110                                                                                |                          |
| 4   | Sở Tài chính              | 23.763           |                                             |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             |                                    | 23.763                                                                                |                          |
| 5   | Sở Kế hoạch Đầu tư        | 16.383           |                                             |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             | 2.000                              | 14.460                                                                                |                          |
| 6   | Sở Nội vụ                 | 61.083           | 6.615                                       |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             |                                    | 54.468                                                                                |                          |
| 7   | Sở Ngoại vụ               | 18.189           | 1.570                                       |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             |                                    | 16.619                                                                                |                          |
| 8   | Sở Thông tin Truyền thông | 47.930           |                                             |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             | 41.511                             | 6.419                                                                                 |                          |
| 9   | Sở Khoa học Công nghệ     | 85.311           | 1.550                                       | 75.220                             |                                       |                                |                                                       |                            |                             |                                    | 8.541                                                                                 |                          |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ                      | TỔNG SỐ | TRONG ĐÓ:                                   |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             |                                    |                                                                                       |                          |
|-----|---------------------------------|---------|---------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
|     |                                 |         | CHI GIÁO<br>DỤC - ĐÀO<br>TẠO VÀ<br>DẠY NGHỀ | CHI KHOA<br>HỌC VÀ<br>CÔNG<br>NGHỆ | CHI Y<br>TẾ, DÂN<br>SỐ VÀ<br>GIA ĐÌNH | CHI VĂN<br>HÓA<br>THÔNG<br>TIN | CHI PHÁT<br>THANH,<br>TRUYỀN<br>HÌNH,<br>THÔNG<br>TẤN | CHI THỂ<br>DỤC THỂ<br>THAO | CHI BẢO<br>VỆ MÔI<br>TRƯỜNG | CHI CÁC<br>HOẠT<br>ĐỘNG<br>KINH TẾ | CHI HOẠT<br>ĐỘNG<br>CỦA CƠ<br>QUAN<br>QUẢN LÝ<br>NHÀ<br>NƯỚC,<br>ĐẢNG,<br>ĐOÀN<br>THỂ | CHI BẢO<br>ĐẢM XÃ<br>HỘI |
| 10  | Sở Công thương                  | 20.707  |                                             |                                    |                                       |                                |                                                       |                            | 2.904                       | 1.030                              | 19.677                                                                                |                          |
| 11  | Sở Tài nguyên Môi trường        | 115.712 |                                             |                                    |                                       |                                |                                                       |                            | 77.329                      | 18.934                             | 19.449                                                                                |                          |
| 12  | Sở Tư pháp                      | 19.762  |                                             |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             |                                    | 14.080                                                                                |                          |
| 13  | Sở Nông nghiệp PTNT             | 192.237 |                                             |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             | 148.075                            | 44.162                                                                                |                          |
| 14  | Sở Giao thông vận tải           | 620.293 |                                             |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             | 460.553                            | 159.740                                                                               |                          |
| 15  | Sở Y tế                         | 781.488 | 6.000                                       |                                    | 762.202                               |                                |                                                       |                            |                             |                                    | 13.286                                                                                |                          |
| 16  | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | 300.815 | 55.842                                      |                                    | 2.475                                 | 67.087                         |                                                       | 165.198                    | 100                         | 820                                | 9.293                                                                                 |                          |
| 17  | Sở Xây dựng                     | 21.880  |                                             |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             |                                    | 21.880                                                                                |                          |
| 18  | Sở Lao động TBXH                | 295.082 | 56.043                                      |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             |                                    | 14.780                                                                                | 224.259                  |
| 19  | Sở Giáo dục đào tạo             | 737.385 | 725.977                                     |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             |                                    | 11.408                                                                                |                          |
| 20  | Công an tỉnh                    | 37.760  | 645                                         |                                    |                                       |                                |                                                       |                            | 1.900                       |                                    |                                                                                       |                          |
| 21  | Bộ chỉ huy quân sự tỉnh         | 135.869 | 9.157                                       |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             |                                    |                                                                                       |                          |
| 22  | Thanh tra tỉnh                  | 10.436  |                                             |                                    |                                       |                                |                                                       |                            |                             |                                    | 10.436                                                                                |                          |
| 23  | Bảo hiểm xã hội tỉnh            | 185.464 |                                             |                                    | 185.464                               |                                |                                                       |                            |                             |                                    |                                                                                       |                          |

[illegible]

[illegible]

[illegible]